

Số: 564 /SYT- KHTC
V/v báo cáo đánh giá tình hình
thực hiện cơ chế tự chủ của các
đơn vị sự nghiệp y tế năm 2024

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Kính gửi: Sở Tài chính Thái Nguyên.

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thực hiện Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể thực hiện đơn vị sự nghiệp công lập.

Sở Y tế Thái Nguyên báo đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024 như sau:

I./ Đánh giá chung

Năm 2024, Sở Y tế đã tổ chức phổ biến, tập huấn lại nội dung các hội nghị về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể thực hiện đơn vị sự nghiệp công lập như:

- Nghị định số 60/2022/NĐ- CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ;
- Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 Bộ Tài chính;
- Công tác quản lý tài chính ngân sách năm 2024;
- Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

II/ Đánh giá cụ thể

1.Về tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

a) Về tổ chức bộ máy: Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về y tế, bao gồm: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, y dược cổ truyền; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số - kế hoạch hóa gia đình; sức khỏe sinh sản và công tác y tế khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm: 3.297 người (trong đó: số cán bộ, viên chức 3.297 người).

- Tổng số lao động hợp đồng nhóm 2 (theo vị trí việc làm) giao đầu năm: không giao.

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm nhóm 3: 2.698 người (trong đó: số cán bộ, viên chức hưởng lương từ NSNN: 1.896 người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên 802 người).

- Tổng số lao động hợp đồng nhóm 2 (theo vị trí việc làm) cuối năm: 2.638 người.

Nguyên nhân tăng, giảm cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của ngành: Giảm do nghỉ chế độ và tinh giản cán bộ, viên chức; tăng do tuyển dụng viên chức y tế xã và Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên tăng mức độ tự chủ từ nhóm 3 lên nhóm 2.

Về thành lập, hoạt động của Hội đồng quản lý: Không.

c) Về kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị:

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính:

Các đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định đã ban hành, tuy nhiên một số đơn vị xây dựng quy chế chưa bám sát các văn bản hướng dẫn, hoặc quy chế đã xây dựng hoặc chưa thực sự chi tiêu theo quy chế đã xây dựng.

Năm 2024, phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19, các đơn vị về cơ bản đều hoàn thành chỉ tiêu giao giường bệnh, công suất sử dụng giường bệnh bình quân toàn tỉnh đạt khoảng 103,4 % (tăng 7% so với cùng kỳ năm 2023).

Các đơn vị khối phòng bệnh đã thực hiện tốt các hoạt động phòng dịch trên địa bàn tỉnh.

Các đơn vị trực thuộc được kiểm toán nhà nước khu vực X kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022. Theo Kết luận của kiểm toán thì không có thất thoát về quản lý tài chính, tài sản tại các đơn vị.

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động dịch vụ khác

Hiện nay, trong ngành có một số đơn vị tự thực hiện các dịch vụ phụ trợ trong hoạt động khám bệnh, chữa bệnh như trông xe, nhà ăn dinh dưỡng, nhà thuốc bệnh viện, còn lại hầu hết các đơn vị đều thực hiện cho thuê mặt bằng để trông giữ xe, nhà ăn dinh dưỡng. Tất cả các đơn vị đều thực hiện thu dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng các quy định hiện hành (lập và trình Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích thực hiện dịch vụ) được UBND tỉnh phê duyệt.

- Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Hoàn thành nhiệm vụ được UBND tỉnh giao.

- Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật phí và lệ phí: Hoàn thành theo kế hoạch giao.

- Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên: Hoàn thành theo kế hoạch giao.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo kế hoạch và nhiệm vụ được giao.

2. Về kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Đơn vị được UBND tỉnh giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 tại Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 30/6/2022, theo đó:

a/ Tổng số đơn vị sự nghiệp y tế: 24 đơn vị.

b/ Tổng số đơn vị đã giao tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 60/2021/NĐ - CP: 24 đơn vị, trong đó:

- Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ hoạt động thường xuyên: 08 đơn vị

- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên: 16 đơn vị

- Về nâng mức độ tự chủ tài chính của đơn vị nhóm 3

Ngày 10/7/2024, Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên được UBND tỉnh điều chỉnh phương án giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 tại Quyết định số 1563/QĐ-UBND, theo đó đơn vị đã tăng mức độ tự chủ từ nhóm 3 lên nhóm 2

+ Kết quả thực hiện so với yêu cầu của Nghị định: đảm bảo yêu cầu.

+ Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân: Giá dịch vụ y tế hiện nay chưa tính đúng, tính đủ nên việc tăng mức độ tự chủ đối với các đơn vị thuộc lĩnh vực y tế dự phòng, y tế xã rất khó khăn.

+ Đề xuất giải pháp cho giai đoạn 05 năm tiếp theo: Chính phủ sớm ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tính đúng tính đủ các chi phí cấu thành.

- Về thực hiện giảm chi ngân sách nhà nước trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Từ năm 2018 đến nay, về cơ bản Ngành y tế đã thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (từ 43 đơn vị sắp xếp lại còn 24 đơn vị).

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a) Về các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ:

- Các khoản thu phí tại văn bản: Thu phí Giám định y khoa theo quy định tại Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định

mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.

- Các khoản thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công: Thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo các văn bản:

Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 HĐND tỉnh Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế Quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các Bệnh viện cùng hạng trong toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong một số trường hợp.

Thông tư số 51/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giá cụ thể đối với dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập sử dụng ngân sách nhà nước;

Thông tư số 35/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 của Bộ Y tế quy định giá cụ thể đối với dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, thuốc dùng cho người tại cơ sở y tế công lập sử dụng ngân sách nhà nước

- Các hoạt động thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định: như thuê mặt bằng trông giữ xe, nhà ăn dinh dưỡng...

- Khoản thu do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN: theo quy định.

- Thu khác: Thu thanh lý tài sản, lãi tiền gửi, bán hồ sơ mời thầu...

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên giao tự chủ (bao gồm số nộp thuế và các khoản phải nộp NSNN khác).

- Nguồn thu: 1.293.603 triệu đồng

+ Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công sử dụng NSNN: 1.249.254 triệu đồng.

+ Nguồn thu theo Luật phí và lệ phí: 1.724 triệu đồng.

+ Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công không sử dụng NSNN: 42.625 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: Dự toán chi 400.298 triệu đồng, trong đó:

+ *Chi từ nguồn NSNN cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ: 289.840 triệu đồng,*

+ *Chi từ nguồn NSNN cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ: 110.458 triệu đồng.*

- Chi từ nguồn thu phí được để lại: 1.133 triệu đồng

c) Phân phối kết quả tài chính:

- Chênh lệch thu, chi thường xuyên 233.434 triệu đồng, trong đó:
- Trích lập các quỹ: 203.350 triệu đồng.
- Trích lập nguồn Cải cách tiền lương: 31.166 triệu đồng.

d) Tình hình thu nhập tăng thêm của người lao động

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập tăng thêm dưới 1 lần quỹ tiền lương: 18 đơn vị.
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 1 - 2 lần quỹ tiền lương: 0 đơn vị.
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 2 - 3 lần quỹ tiền lương: 0 đơn vị.
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 3 lần quỹ tiền lương trở lên: 0 đơn vị.
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là 5,1 triệu đồng/tháng (Bệnh viện Y học cổ truyền).
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là 0,03 triệu đồng/tháng (TTYT huyện Đồng Hỷ).
- Đơn vị không có thu nhập tăng thêm: 06 đơn vị

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

- Số đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ: 24/24 số đơn vị được giao quyền tự chủ, đạt tỷ lệ 100%
- Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.
 - + Công khai dự toán, quyết toán hàng năm;
 - + Công khai và kê khai đầy đủ quy trình mua sắm, đấu thầu tại đơn vị;
 - + Trong quá trình xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cần bám sát các định mức, tiêu chuẩn hiện hành
 - + Quy chế chi tiêu nội bộ phải được công khai, dân chủ, được thảo luận trước khi ban hành.
 - + Quy chế chi tiêu nội bộ phải được xây dựng trên cơ sở dự toán được cấp thẩm quyền giao.
 - + Giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các định mức chi tiêu đã ban hành trong Quy chế.
- Các giải pháp thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Các đơn vị đã đưa ra nhiều biện pháp để quản lý nguồn thu, tài sản công chưa sử dụng hết công suất dùng để cho thuê; tiết kiệm chi phí tăng thu nhập cho người lao động như: Khoán công tác phí, khoán điện thoại, khoán văn phòng phẩm, khoán điện, nước và xây dựng các định mức sử dụng vật tư y tế

tiêu hao trong điều trị, tránh lãng phí đồng thời cũng quy định trách nhiệm cho tập thể, cá nhân trong việc sử dụng và quản lý tài sản công.

Các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đều được cán bộ công nhân viên chức, người lao động nhất trí cao.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

Số đơn vị có chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên: 0

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn: Không có

4. Nguồn chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ: 135.547 triệu đồng

- Hỗ trợ hoạt động y tế dân số: 4.035 triệu đồng.

- Hỗ trợ mua sắm sửa chữa: 77.638 triệu đồng.

- Hỗ trợ Đề án phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh: 29.730 tr.đ

- Hỗ trợ Hợp đồng lao động theo ND số 111/2021/ND-CP: 1.934 tr.đồng.

- Hỗ trợ chế độ cho bệnh nhân phong: 1.700 triệu đồng .

- Hỗ trợ quan trắc môi trường: 587 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện đề án CNTT: 29.730 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng của biên chế theo ND số 73/2024/ND-CP: 11.704 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện chế độ tiền lương do tăng mức lương cơ sở của Hợp đồng 111/2021/ND-CP: 246 triệu đồng

- Kinh phí tinh giản biên chế: 4.626 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện CTMTQG: 458 triệu đồng.

5. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

- Nghị định 60/2021/ND-CP quy định về cơ chế tự chủ về tài chính, song hiện nay còn hai nghị định cùng thực hiện là Nghị định số 120/2020/ND-CP ngày 07/10/2020 Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 106/2020/ND-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, nên vẫn còn nhiều bất cập trong việc tuyển dụng viên chức, cử cán bộ, viên chức đi học tập, nghiên cứu trong và ngoài nước, chưa có quyền sắp xếp bộ máy, bố trí lao động, bổ nhiệm miễn nhiệm, điều động, kỷ luật cán bộ công chức thuộc đơn vị quản lý nên đơn vị chưa phát huy được quyền tự chủ thực sự trong hoạt động, việc tự chủ riêng về tài chính chưa đủ điều kiện để đơn vị thực hiện một cách đầy đủ, thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của mình.

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội chưa kịp thời thực hiện thanh, quyết toán kinh phí khám chữa bệnh BHYT theo quy định của Luật bảo hiểm y tế.

- Một số đơn vị, kế toán chưa tham mưu kịp thời cho Thủ trưởng điều chỉnh, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với các văn bản hướng dẫn hiện hành về quản lý và sử dụng kinh phí.

- Mẫu báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính (phụ lục số 06) dùng cho đơn vị dự toán cấp 3 không đủ các thông tin cung cấp số liệu cho cơ quan tổng hợp (cơ quan dự toán cấp 1) tại mẫu báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính (phụ lục số 07)

6. Đề xuất, kiến nghị.

Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các chỉ tiêu trong báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính (phụ lục số 06) và báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính (phụ lục số 07).

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội khẩn trương quyết toán kịp thời chi phí Khám chữa bệnh BHYT theo Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế đã ký để các đơn vị hạch toán đầy đủ Doanh thu/Chi phí theo quy định chế độ kế toán tại Thông tư 107/2017/TT- BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

(Công văn này thay thế Công văn số 5660/SYT-KHTC ngày 31/12/2024 của Sở Y tế Thái Nguyên)./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KHTC.
(Hoa)

GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Huy

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ TRỰC THUỘC NĂM 2024
(Kèm theo Công văn số 564/SYT-KHTC ngày 14 tháng 02 năm 2024 của Sở Y tế Thái Nguyên)

TT	Sự nghiệp	Tổng số đơn vị sự nghiệp (đơn vị)	Số lượng đơn vị được giao tự chủ (đơn vị)	Tổng số người làm việc (người)		Kết quả hoạt động tài chính (Triệu đồng)																	Chênh lệch thu chi	Trích lập các Quỹ (triệu đồng)					Trích lập nguồn Cải cách tiền lương				
				Tổng số	Trong đó	Nguồn tài chính							Sử dụng nguồn tài chính											Trong đó									
						Số người hưởng lương từ NSNN	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Tổng số	Ngân sách nhà nước cấp				Nguồn thu phí được để lại chi	Nguồn thu dịch vụ KBCB/Y tế dự phòng	Nguồn khác	Tổng số	Chi từ nguồn NSNN cấp					Chi phục vụ công tác thu phí		Chi hoạt động dịch vụ khác		Tổng số	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Quỹ bổ sung thu nhập		Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ Hỗ trợ KBCB		
									Tổng	NSNN đặt hàng hoặc đầu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ	NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ					Tổng số	Chi thực hiện đặt hàng hoặc đầu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công		Chi thường xuyên giao tự chủ		Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ		Tổng số	Trong đó Quỹ lương							Tổng số	Trong đó Quỹ lương
																		Tổng số	Trong đó Quỹ lương	Tổng số	Trong đó Quỹ lương												
A	B	1	2	3	4	5	$7=8+12+13+14$	$8=9+10+11$	9	10	11	12	13	14	$15=16+22+24$	$16=17+19+21$	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	$27=28:30a$	28	29	30	30a	31	
I	Đơn vị tự bảo đảm hoạt động thường xuyên	8	8	2.870	280	2.590	1.103.006	101.045	0	41.936	59.109	34	966.623	35.304	882.758	89.907	0	0	41.534	38.663	48.373	20	0	792.831	327.137	209.110	187.170	75.065	71.365	39.980	760	22.657	
1	Bệnh viện A			713		713	357.210	9.000			9.000	0	317.431	30.779	230.008	7.099					7.099			222.909	78.598	125.301	110.265	50.835	43.143	16.179	108	15.036	
	Bệnh viện C			559		559	224.377	9.100			9.100	0	215.131	146	205.730	6.834					6.834			198.896	76.852	16.381	14.746	3.826	3.679	7.211	30	1.635	
	Bệnh viện Gang thép			325		325	118.717	9.130			9.130	0	106.779	2.808	109.065	7.265					7.265			101.800	45.722	7.787	6.787	2.715	2.036	1.833	203	1.000	
	Bệnh viện YHCT			186		186	60.821	1.500			1.500	0	58.541	780	42.974	1.191					1.191			41.783	23.024	17.538	15.838	6.358	7.460	2.000	20	1.700	
5	Bệnh viện Phục hồi chức năng			120		120	26.618	5.730			5.730	0	20.731	157	20.893	3.897					3.897			16.996	11.670	3.892	3.523	1.027	1.065	1.332	99	369	
	Trung tâm y tế TPThái Nguyên			437	263	174	112.264	48.868		38.525	10.343	34	63.362		98.324	48.028			38.142	35.662	9.886	20		50.276	19.137	13.100	11.110	3.400	2.700	4.810	200	1.990	
	Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ			193		193	63.887	5.000			5.000	0	58.794	93	61.388	3.208					3.208			58.180	26.393	707	628	479		149		79	
	Bệnh viện Đa khoa huyện Định hoá			161		161	67.344	3.810			3.810	0	63.336	198	52.468	3.627					3.627			48.841	23.531	14.693	13.845	5.450	4.045	4.300	50	848	
9	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình			176	17	159	71.768	8.907		3.411	5.496	0	62.518	343	61.908	8.758			3.392	3.001	5.366			53.150	22.210	9.711	10.428	975	7.237	2.166	50		
II	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên	16	16	2.418	1.619	799	618.279	326.637	0	250.199	76.438	1.690	282.631	7.321	577.006	310.391	0	0	248.306	214.630	62.085	1.113	0	265.502	122.247	24.324	16.180	4.148	6.111	5.739	182	8.509	
1	Bệnh viện Phổi			224		224	72.848	12.173		3.585	8.588		55.240	5.435	69.409	10.496			3.489	2.900	7.007			58.913	33.115	1.762	1.133	315	109	687	22	629	
	Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần			118	109	9	25.274	16.007		12.241	3.766		9.227	40	20.120	15.373			12.102	9.699	3.271			4.747	1.530	4.520	2.947	974	1.031	897	45	1.573	
	Bệnh viện Mắt			67		67	28.538	4.458		800	3.658		24.080		26.989	4.027			784		3.243			22.962	9.519	1.118	671	180	61	418	12	447	
4	Trung tâm y tế TP Sông công			142	138	4	38.349	17.476		12.431	5.045	13	20.796	64	32.955	15.963			12.332	10.122	3.631	1		16.991	6.538	3.881	2.586	542	1.443	577	24	1.295	
	Trung tâm y tế huyện Đồng Hỷ			297	133	164	76.380	30.317		23.181	7.136	13	45.971	79	71.635	28.372			23.036	19.657	5.336	13		43.250	21.600	2.800	1.820	273	1.092	400	55	980	
	Trung tâm y tế huyện Võ Nhai			251	135	116	66.404	34.422		26.244	8.178	15	31.913	54	62.805	32.545			25.995	22.518	6.550	15		30.245	16.709	1.722	1.120	224	34	838	24	602	
	Trung tâm y tế huyện Phú Lương			238	135	103	59.599	29.811		23.178	6.633	2	28.374	1.412	55.884	26.799			22.651	19.493	4.148	2		29.083	12.020		457	114	183	160		246	
	Trung tâm y tế huyện Đại Từ			251	250	1	43.701	41.268		35.738	5.530		2.433		43.027	40.686			35.563	31.973	5.123			2.341	1.681	92	60	14		46		32	
	Trung tâm y tế huyện Định hoá			181	179	2	35.800	34.933		30.840	4.093		842	25	35.384	34.634			30.707	26.815	3.927			750	740	117	84	37		47		32	
10	Trung tâm y tế thành phố Phổ Yên			249	152	97	76.469	30.786		21.782	9.004		45.485	198	69.921	28.605			21.636	18.425	6.969			41.316	17.535	4.367	3.126	997	1.419	710		1.241	
	Trung tâm y tế huyện Phú Bình			174	172	2	31.115	29.612		24.464	5.148		1.503		30.520	29.604			24.529	21.747	5.075			916	916	587	398	39		359		189	
	Trung tâm Giám định y khoa			16	15	1	3.515	1.866		1.693	173	1.647		2	2.914	1.832			1.671	1.293	161	1.082				567	1	1				228	
	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh			165	159	6	47.485	32.320		25.843	6.477		15.157	8	43.818	30.570			25.689	23.652	4.881			13.248	212	1.917	1.202	288	514	400		716	
	Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và thiết bị y tế			28	26	2	7.978	7.794		4.957	2.837		180	4	7.619	7.529			4.923	3.797	2.606			90		94	61	6	28	27		33	
15	Trung tâm Pháp y			17	16	1	4.824	3.394		3.222	172		1.430		4.006	3.356			3.199	2.539	157			650	132	780	514	144	197	173		266	
	Tổng chi	24	24	5.288	1.899	3.389	1.721.285	427.682	0	292.135	135.547	1.724	1.249.254	42.625	1.459.764	400.298	0	0	289.840	253.293	110.458	1.133	0	1.058.333	449.384	233.434	203.350	79.213	77.476	45.719	942	31.166	